



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 32 (07/08-11/08/23)

Xem xét 2 lần Hoa Kỳ bị hạ xếp hạng tín nhiệm

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *VN-Index tiếp tục hướng về 1,280 - 1,300 điểm với thanh khoản tăng trưởng*

2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Xem xét 2 lần Hoa Kỳ bị hạ xếp hạng tín nhiệm*

3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index tiếp tục hướng về 1,280 – 1,300 điểm*

5. TIN VĨ MÔ: *Hoa Kỳ bị hạ xếp hạng tín nhiệm lần thứ 2*

6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Bất động sản +7.6%*

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: VN-Index tiếp tục hướng về 1,280 - 1,300 điểm với thanh khoản tăng trưởng

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1225.98	1.52%
GTGD/phiên (tỷ VND)	21,275.48	12.07%
Khối ngoại (tỷ VND)	807.08	
HNX-INDEX	242.41	2.05%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1910.24	8.87%
Khối ngoại (tỷ VND)	53.67	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4478.03	-0.53%	-2.27%	1.80%
EU (EURO STOXX)	4332.91	0.66%	-2.99%	2.27%
China (SHCOMP)	3288.08	0.23%	0.37%	2.86%
Japan (NIKKEI)	32192.75	0.10%	-1.73%	-1.77%
Korea (KOSPI)	2602.80	-0.10%	-0.21%	3.01%
Singapore (STI)	3292.39	-0.35%	-2.34%	4.87%
Thailand (SET)	1530.46	0.09%	0.39%	1.43%
Phillipines (PCOMP)	6450.84	-1.91%	-2.63%	1.13%
Malaysia (KLCI)	1445.21	0.23%	-0.35%	4.28%
Indonesia (JCI)	6852.84	-0.66%	-0.69%	1.41%
Vietnam (VNIndex)	1225.98	1.24%	1.52%	7.72%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2312	1235.00	0.29%	20,737	58,810
VN30F2305	1228.10	-0.27%	87	1,431
VN30F2306	1234.60	0.26%	12	640
VN30F2309	1234.50	0.25%	7	66

TTCK VIỆT NAM

Dòng tiền mở rộng, VN-Index duy trì đà tăng điểm tích cực

Đà tăng chứng lại với những phiên tăng và giảm điểm xen kẽ trong tuần, VN-Index vẫn khi nhận mức tăng 1.5%, kéo dài chuỗi tuần thứ 5 tăng điểm liên tiếp. Luân chuyển giữa các các nhóm cổ phiếu và các ngành tiếp tục cho dù sự phân hóa rõ rệt hơn. Ở nhóm cổ phiếu lớn, các cổ phiếu ngân hàng giảm thì VHM, VIC đóng vai trò nâng đỡ chỉ số. Riêng cổ phiếu VIC đóng góp 22% số điểm tăng của VN-Index. Thông tin 112 văn bản liên quan 174 dự án BĐS được tổ công tác Bộ xây dựng hướng dẫn theo thẩm quyền giúp ngành BĐS thu hút dòng tiền luân chuyển và tăng giá. Thị trường dù vậy đang nhạy cảm trước thông tin quốc tế. Ngoài ra thị trường sẽ bước vào vùng trống thông tin khi mùa công bố KQKD đi qua là yếu tố NGT cần thận trọng tránh mua đuổi cho dù VN-Index còn động lực tăng lên các vùng giá cao mới nhờ dòng tiền tăng trưởng.

92% cổ phiếu niêm yết trên Hose và HNX đã công bố KQKD quý II với LNST giảm 3% yoy. KQKD phân hóa theo hướng tiêu cực với chỉ có 43% cổ phiếu tăng trưởng dương so cùng kỳ. Các công ty trong VN30 đã hoàn thành công bố LNST quý II tăng trưởng 2.5% yoy (nhóm sẽ tăng trưởng âm 10% nếu không tính lợi nhuận đột biến từ VHM). 19/19 Ngân hàng có LNST tăng trưởng 0.3% yoy với nhóm NHTM nhà nước và STB là đóng góp chính. Xét giá trị tuyệt đối, 5 công ty có LNST cải thiện nhiều nhất gồm VHM, VCB, GMD, HVN và STB trong khi HPG, GAS, TCB, VIC, KBC sụt giảm mạnh nhất. Mùa công bố KQKD quý II đã cơ bản hoàn thành và giảm nhẹ sẽ làm cho P/E VN-Index tăng nhanh nếu xu hướng tăng điểm vẫn được duy trì.

TTCK THẾ GIỚI

Chốt lời khi mùa công bố QKQD sắp kết thúc và đón nhận thông tin tiêu cực, các TTCK đồng loạt giảm điểm

Các chỉ số CK Hoa Kỳ có chuỗi 4 phiên giảm liên tiếp với mức bình quân 2% khi mùa công bố KQKD đi vào giai đoạn cuối, thị trường lao động kém hơn dự báo và trước đó là Fitch Ratings hạ tín nhiệm Hoa Kỳ. EU600 giảm 2.4% trong khi các thị trường chủ chốt Châu Á như Nhật Bản, Singapore giảm lần lượt 1.7% và 2.3%. Sự kiện Fitch Ratings chưa dừng đà hồi phục của DXY với mức tăng 0.39% nhưng ảnh hưởng đến lợi tức trái phiếu 10 năm chính phủ Hoa Kỳ tăng 0.07% và ghi nhận mức tăng 1.2% so cùng kỳ năm trước. Mặc dù giá dầu thô tiếp tục tăng 2.8% thì chỉ số hàng hóa vẫn giảm 0.14% chủ yếu đến từ sự sụt giảm hàng hóa nông sản và kim loại. Trong tuần tới, nhiều quốc gia công bố chỉ số CPI tháng 7 và là dữ liệu quan trọng đánh giá hiệu quả chống lạm phát của các NHTW. Tổ chức xếp hạng Fitch Ratings hạ mức tín nhiệm Hoa Kỳ từ mức AAA xuống AA+ từ 1/8. Tài khóa Hoa Kỳ dự báo suy giảm trong 3 năm tới, nợ công tăng cao và chất lượng quản trị đi xuống cùng với tình hình bế tắc trần nợ công trước đó là lý do tổ chức định hạng đưa ra quyết định này. Trước đó, Standard & Poor's cũng hạ mức tín dụng tương tự trong cuộc khủng hoảng trần nợ công năm 2011 và vẫn chưa khôi phục cho đến nay. Tác động thông tin này đến TTCK năm 2011 không quá lớn nhờ chu kỳ cung tiền và mở rộng bảng CĐKT của FED. TTCK đã phản ứng tiêu cực và cần được tiếp tục theo dõi do thông tin này tác động bất lợi lên lợi tức trái phiếu chính phủ và đến mặt bằng lãi suất. (Xem thêm phần chuyên đề tuần)

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng

CHUYÊN MỤC TUẦN: Xem xét 2 lần Hoa Kỳ bị hạ xếp hạng tín nhiệm

Ngày 01/08/2023, tổ chức xếp hạng Fitch Ratings hạ mức tín nhiệm của Hoa Kỳ từ “AAA” xuống “AA+”. Đây là lần thứ hai Hoa Kỳ bị hạ xếp hạng tín nhiệm sau tháng 8 năm 2011 bởi Standard & Poor's. Vậy trong 2 lần hạ xếp hạng tín nhiệm này, nguyên nhân, bối cảnh, phản ứng của thị trường cũng như động thái của giới cầm quyền ra sao, mời anh/chị theo dõi chuyên đề tuần này.

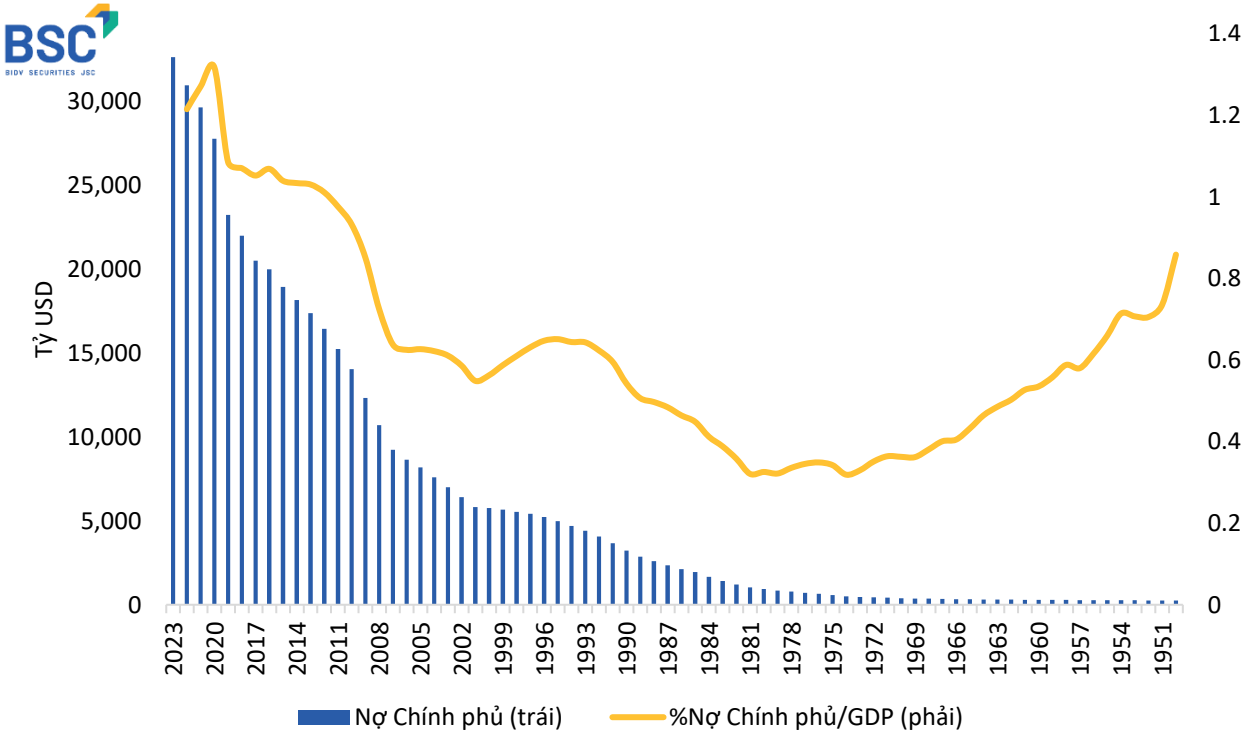
1. Tổng quan về hai đợt Hoa Kỳ bị hạ xếp hạng tín nhiệm

Theo Hiến pháp, Quốc hội phải cho phép chính phủ vay nợ. Bắt đầu từ năm 1939, trần nợ bắt đầu được áp dụng. Vào thời điểm đó, trần nợ được đặt là 45 tỷ đô la. Theo thời gian, nợ công của Hoa Kỳ ngày càng tăng cao (*Đồ thị 01*). Hoa Kỳ cũng đã trải qua rất nhiều lần tăng trần nợ (78 lần từ năm 1960 đến nay – theo thống kê của Bộ Tài chính Hoa Kỳ, trong đó 49 lần dưới thời các Tổng thống Đảng Cộng hòa và 29 lần dưới thời các Tổng thống Đảng Dân chủ). Trong những năm gần đây, vấn đề liên quan đến trần nợ công Hoa Kỳ được nhận xét đã trở thành vũ khí chính trị của các đảng phái.

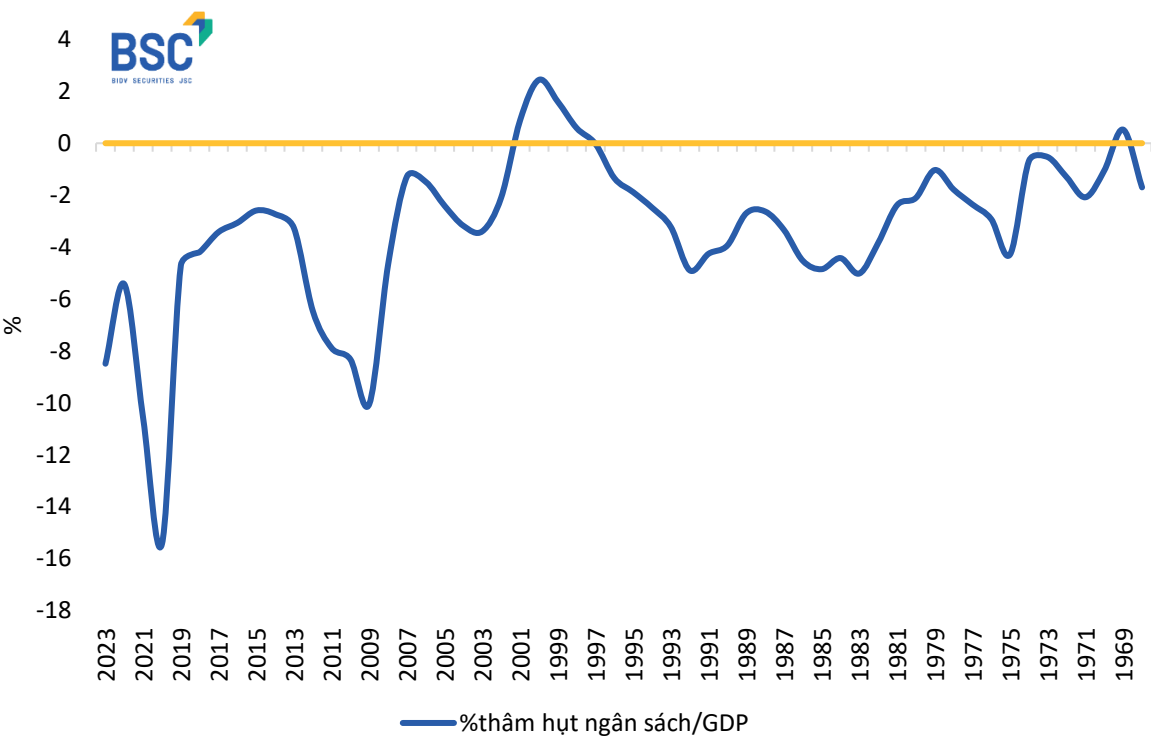
Tại Hoa Kỳ có 3 tổ chức xếp hạng tín nhiệm lớn là S&P Global, Moody's, và Fitch Ratings. Những tổ chức này đánh giá khả năng trả nợ của Chính phủ Hoa Kỳ. Trong lịch sử, chỉ có hai lần duy nhất Hoa Kỳ bị hạ xếp hạng từ AAA (mức cao nhất) xuống AA+, đó là tháng 08/2011 và tháng 08/2023, lần lượt bởi S&P Global và Fitch Ratings. Hành động này đồng nghĩa với việc hai tổ chức này đánh giá khả năng trả nợ của Chính phủ Hoa Kỳ kém đi.

Về bối cảnh, trong cả hai giai đoạn bị hạ xếp hạng tín nhiệm, nợ công của Mỹ đang ở mức cao (*Đồ thị 01*) và ngân sách thâm hụt lớn (*Đồ thị 02*).

Đồ thị 01: Diễn biến nợ Chính phủ Hoa Kỳ



Đồ thị 02: Diễn biến thâm hụt ngân sách/GDP (đơn vị: %)



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

* Số liệu cập nhật đến ngày 06/08/2023

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: *Xem xét 2 lần Hoa Kỳ bị hạ xếp hạng tín nhiệm*

Về nguyên nhân Hoa Kỳ bị hạ xếp hạng tín nhiệm, trong cả hai lần đều có lý do khả năng quản trị nợ công của Hoa Kỳ yếu kém do sự bất đồng giữa các đảng phái chính trị trong việc đưa ra giải pháp cuối cùng đối với trần nợ. Lịch sử cho thấy, đảng Cộng hòa thường dùng vấn đề tăng trần nợ để gây sức ép lên chính quyền của đảng Dân chủ, và ngược lại. Năm 2011, các đảng viên Cộng hòa đã từ chối tăng trần nợ cho đến khi Tổng thống Obama đồng ý cắt giảm chi tiêu chỉ 3 ngày trước khi chính phủ liên bang thực sự vỡ nợ. Năm 2023, về mặt kỹ thuật, Mỹ đã chạm trần nợ 31.4 nghìn tỷ USD từ tháng 01/2023, và Bộ Tài chính Mỹ đã buộc phải sử dụng các biện pháp đặc biệt để có thể tiếp tục trang trải cho các hoạt động của chính phủ. Ngày vỡ nợ của Hoa Kỳ được tính toán là ngày 05/06 thì ngày 03/06 Tổng thống Biden mới ký Đạo luật trách nhiệm tài chính năm 2023 hoãn trần nợ công.

Bảng 01: Tóm tắt bối cảnh, nguyên nhân Hoa Kỳ bị hạ xếp hạng tín nhiệm

Giai đoạn	2011	2023
Tổng thống đương nhiệm	Barack Obama (Đảng Dân chủ)	Joe Biden (Đảng Dân chủ)
Quyết định liên quan đến nợ công được đưa ra	Đạo luật Kiểm soát ngân sách (BCA) 2011 được ban hành. Nội dung chính: bao gồm các thủ tục tăng trần nợ lên tới 2.4 nghìn tỷ USD, được chia làm hai đợt. - Đợt 1: cho phép tăng trần nợ 900 tỷ USD với điều kiện Chính phủ phải tiết kiệm 900 tỷ USD trong 10 năm tới. - Đợt 2: + Nếu Quốc hội thông qua điều kiện giảm thâm hụt ngân sách >1.2 nghìn tỷ USD thì trần nợ sẽ được tăng lên bằng số tiền giảm thâm hụt đó lên tới 1.5 nghìn tỷ USD. + Nếu điều kiện trên không được thông qua trước ngày 23/12/2011, thì trần nợ vẫn được tăng lên 1.2 nghìn tỷ USD, nhưng đi kèm các điều kiện sau: cắt giảm chi tiêu quốc phòng và phi quốc phòng hàng năm trong 9 năm, bắt đầu từ năm 2013. + Nếu không giảm được thâm hụt ngân sách thì Chính phủ phải giảm chi tiêu 109 tỷ USD/năm từ năm 2013. + Nếu giảm được thâm hụt ngân sách nhưng mức giảm thâm hụt <1.2 nghìn tỷ, phải cắt giảm chi tiêu trong 9 năm sao cho bù đủ 1.2 nghìn tỷ.	Đạo luật trách nhiệm tài chính năm 2023 được ban hành. Nội dung chính: - Đình chỉ việc áp trần nợ ở mức 31.4 nghìn tỷ đến 01/01/2025. - Trong năm 2024, giới hạn chi tiêu quân sự ở mức 886 tỷ USD và chi tiêu phi quân sự ở mức 704 tỷ USD. Trong năm 2025, những con số đó sẽ tăng lên khoảng 895 tỷ USD và 711 tỷ USD.
Tổ chức đánh giá	Standard & Poor's	Fitch Ratings
Lý do được đưa ra khi hạ xếp hạng tín nhiệm	- Thỏa thuận trần nợ được Quốc hội thông qua ngày 02/08/2011 (Đạo luật kiểm soát ngân sách năm 2011) không đủ để ổn định gánh nặng nợ của Chính phủ. - Năng lực của Quốc hội và Chính quyền trong việc giải quyết nợ đã trở nên kém ổn định, hiệu quả và khó dự đoán hơn.	- Sự suy thoái tài chính dự kiến trong 3 năm tới. - Gánh nặng nợ của chính phủ cao và ngày càng tăng. - Sự xói mòn trong quản trị thể hiện ở chỗ trong các lần giải quyết vấn đề về trần nợ công: chỉ có giải pháp được đưa ra trong những phút cuối.

Nguồn: BSC Research tổng hợp

CHUYÊN MỤC TUẦN: *Xem xét 2 lần Hoa Kỳ bị hạ xếp hạng tín nhiệm*

Về phản ứng của các chủ thể trong nền kinh tế sau khi Hoa Kỳ bị hạ xếp hạng tín nhiệm (Bảng 02) ,

Bảng 02: Phản ứng của các chủ thể trong nền kinh tế

Ý kiến và hành động của các bên	2011	2023
Chính Phủ	- Chính Phủ Hoa Kỳ ngay lập tức phản bác và đưa ra các quan điểm về việc hạ tín nhiệm ngay sau khi có thông tin về việc hạ tín nhiệm của S&P. - Chính Phủ Hoa Kỳ tiến hành một cuộc điều tra về vai trò của S&P trong việc xếp hạng một số tổ chức tín dụng có ảnh hưởng trong khủng hoảng tài chính 2008. - 09/08/2011: FED đưa ra cam kết về lãi suất cơ bản gần 0% thêm hơn 2 năm nữa => thị trường đã có những diễn biến tích cực sau các phiên rung lắc mạnh trước đó. - 21/09/2011: Ủy ban thị trường mở liên bang (FOMC) đã công bố chương trình MEP mới (QE2 sau lần đầu tiên áp dụng vào năm 2008), theo đó, FED thực hiện mua Trái Phiếu Kho bạc kỳ hạn dài và bán ra các Trái phiếu với kỳ hạn ngắn hạn hơn	- Chính Phủ Hoa Kỳ ngay lập tức phản bác và đưa ra các quan điểm về việc hạ tín nhiệm ngay sau khi có thông tin về việc hạ tín nhiệm của S&P. - Bộ trưởng Tài chính Hoa Kỳ đưa ra những phản bác dựa trên cơ sở: (i) Số liệu mà Fitch Rating đưa ra không có cơ sở, đánh giá dựa trên những dữ liệu lỗi thời, không phản ánh được những cải thiện về chỉ số quản trị của Hoa Kỳ (ii) Fitch rating đã không xem xét đến các yếu tố và góc độ tích cực khác trong điều kiện nền kinh tế Hoa Kỳ hiện nay khi: tỷ lệ thất nghiệp thấp, lạm phát giảm, nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng và tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ trong thời gian tới.
Các tổ chức tài chính	- Các tổ chức tài chính không bán tháo TPCP, vì: (i) Thị trường đã được cảnh báo trước về việc có thể bị hạ tín nhiệm. (ii) Thị trường tin vào việc TPCP Hoa Kỳ vẫn là công cụ đầu tư an toàn nhất trên thế giới do đánh giá của việc bị hạ ratings chủ yếu liên quan đến chính trị (vấn đề về trần nợ công) và họ đánh giá TPCP Hoa Kỳ vẫn là công cụ hấp dẫn trong khi rủi ro khủng hoảng kinh tế Châu Âu hiện hữu.	Chưa có dấu hiệu bán tháo TPCP Hoa Kỳ
Nhà đầu tư	Nhà đầu tư thực hiện bán tháo cổ phiếu sau khi thị trường rơi vào trạng thái hoảng loạn khiến chứng khoán Hoa Kỳ chao đảo và sụt giảm mạnh.	Chứng khoán Hoa Kỳ lao dốc trong phiên ngày 02/08/2023 sau khi có thông tin Fitch hạ tín nhiệm của Hoa Kỳ: Nasdaq Composite giảm 2.17%, S&P 500 sụt 1.38%

Nguồn: BSC Research tổng hợp

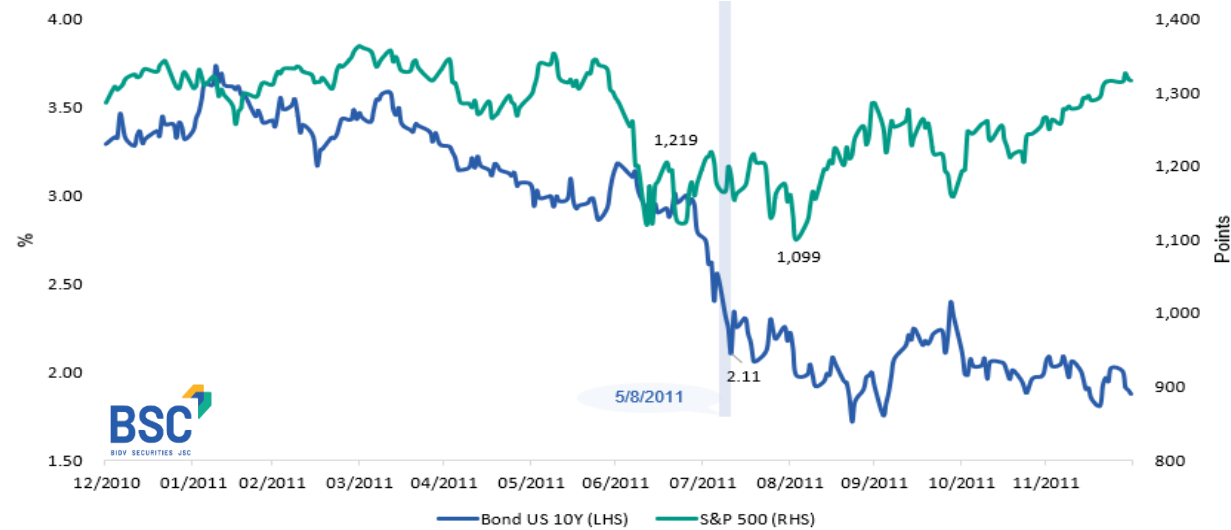
CHUYÊN MỤC TUẦN: Xem xét 2 lần Hoa Kỳ bị hạ xếp hạng tín nhiệm

2. Phản ứng của thị trường

2.1. Diễn biến của S&P 500 và TPCP 10Y

Giai đoạn 2011

Đồ thị 03: Diễn biến của S&P 500 và TPCP 10Y giai đoạn 2011



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

- Ngay sau khi thị trường mở cửa trở lại vào thứ Hai, ngày 08/08 sau kỳ nghỉ cuối tuần, chứng khoán Mỹ đã bị bán tháo. Sự sụt giảm mạnh kéo dài đến tháng 8 và tháng 9 năm 2011. Chỉ số S&P 500 đã giảm 80 điểm, tương đương 6.7% trong ngày giao dịch đầu tiên sau khi bị hạ cấp. Tính cả tháng, S&P giảm 5.7%, sau đó giảm 7.3% trong tháng 09/2011 trước khi phục hồi 10.7% trong tháng 10.
- Mặc dù bị hạ bậc, nhưng trái phiếu kho bạc Hoa Kỳ vẫn tăng giá, do môi trường rủi ro đã thúc đẩy một chuyển bay đến nơi an toàn. Lợi tức trái phiếu kho bạc 10 năm đã giảm 78 điểm cơ bản trong tháng 8 và thêm 18 điểm cơ bản trong tháng 9, giảm tổng điểm phần trăm tích lũy trong hai tháng. Về giá cả, trái phiếu kho bạc 10 năm của Hoa Kỳ đã tăng 3.5% trong tháng 8 năm 2011.

Giai đoạn 2023

Đồ thị 04: Diễn biến của S&P 500 và TPCP 10Y giai đoạn 2023



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

- Chứng khoán Hoa Kỳ ghi nhận đà giảm điểm trong phiên giao dịch 02/08 sau khi cơ quan xếp hạng tín nhiệm Fitch hạ bậc xếp hạng của Quốc gia này khỏi vị trí cao nhất. Khép lại phiên này, chỉ số tổng hợp S&P 500 giảm 1.4% xuống 4,513.39 điểm.
- Lợi tức trái phiếu kho bạc 10 năm duy trì xu hướng tăng từ ngày 01/08/2023, kết phiên 04/08, lợi tức TPCP Hoa Kỳ ở mức 4.19%. Đây là mức cao nhất kể từ tháng 3 năm nay.

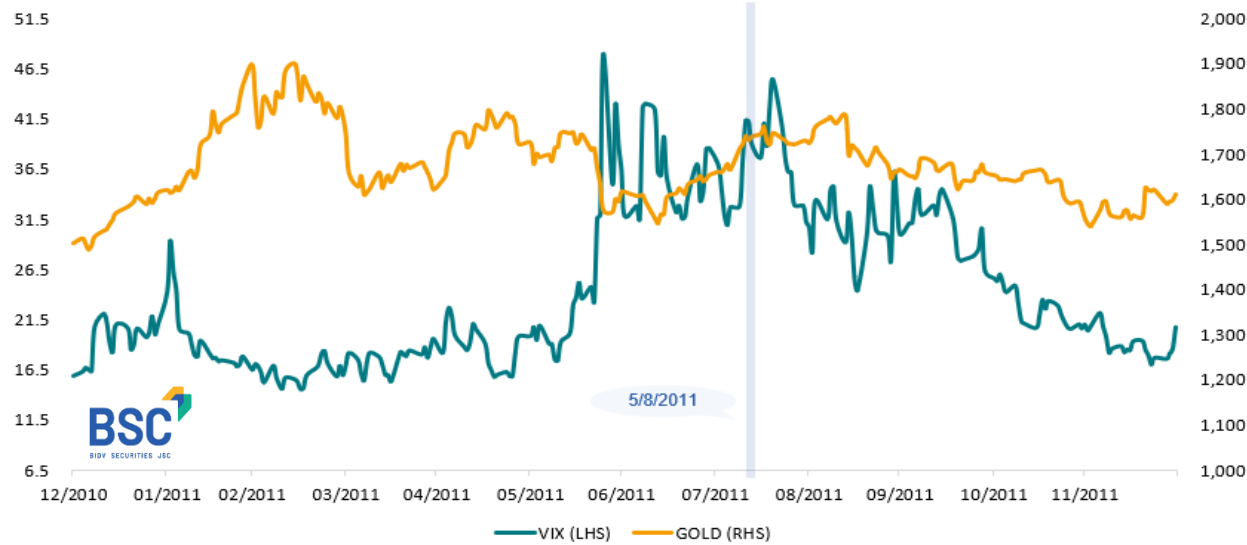
CHUYÊN MỤC TUẦN: Xem xét 2 lần Hoa Kỳ bị hạ xếp hạng tín nhiệm

2. Phản ứng của thị trường

2.2. Diễn biến giá vàng và chỉ số VIX

Giai đoạn 2011

Đồ thị 05: Diễn biến giá vàng và chỉ số VIX giai đoạn 2011



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

- Chỉ số VIX - "Thước đo sự sợ hãi" theo dõi biến động thị trường chứng khoán Hoa Kỳ tăng vọt 50% vào ngày 8/8/2011. Chỉ số tạo đỉnh khoảng giữa tháng 08/2011 và đi xuống.
- Vào ngày 8/8/2011, giá vàng đã tăng 3.2% (lên 12% trong tháng). Đây là mức tăng vượt trội so với các loại tài sản chính khác. Tuy nhiên, đà tăng của vàng chỉ tồn tại trong thời gian ngắn, khi trong tháng 9, giá vàng đã giảm 11%, xóa sạch đà tăng trước đấy.

3. Kết luận

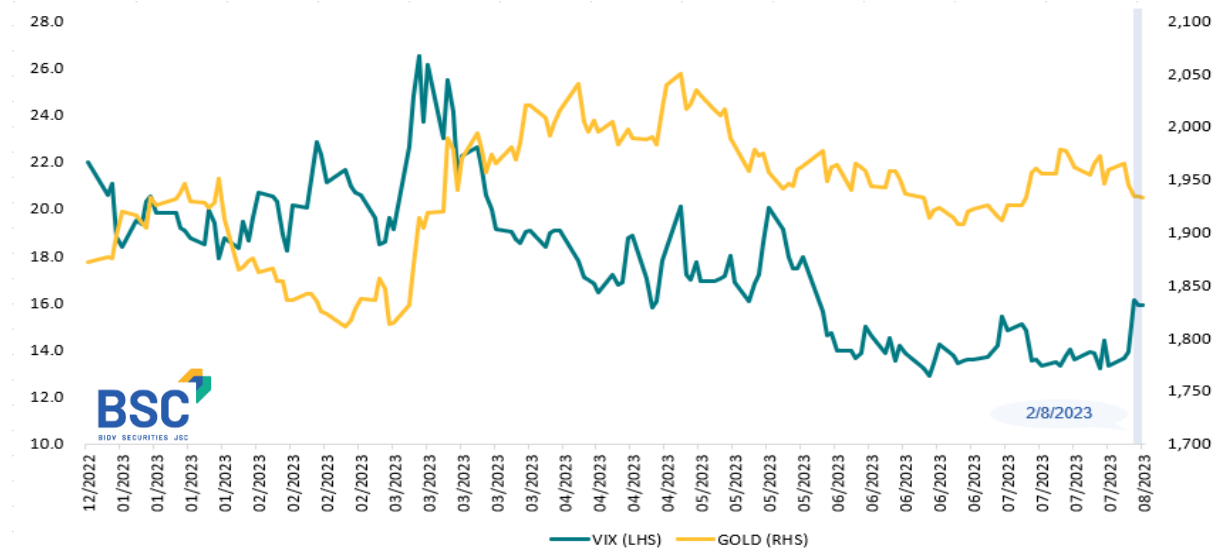
Dựa trên lần Hoa Kỳ bị hạ xếp hạng tín nhiệm năm 2011, có thể thấy việc Hoa Kỳ bị hạ xếp hạng tín nhiệm năm 2023 có lẽ không gây thiệt hại lớn cho thị trường.

- Năm 2011, thị trường cổ phiếu Hoa Kỳ biến động mạnh sau tin, tuy nhiên cũng hồi phục lại nhanh khi tâm lý tiêu cực qua đi; chỉ số VIX và vàng - hàng hóa được coi là nơi trú ẩn khi nền kinh tế gặp vấn đề, cũng tăng sau tin, nhưng tạo đỉnh nhanh và đi xuống. Ngoài ra, mặc dù bị hạ bậc, nhưng lãi suất trái phiếu kho bạc Hoa Kỳ vẫn giảm, đồng thời không có hiện tượng bán tháo TPCP, chứng tỏ thị trường vẫn dành lòng tin cho Chính phủ Hoa Kỳ.

- Năm 2023, TTCK Hoa Kỳ cũng đang trải qua những phản ứng tiêu cực đầu tiên tương tự quá khứ. Lãi suất trái phiếu kho bạc đang trên đà tăng cao là do CSTT thắt chặt. Giá vàng - hàng hóa trú ẩn vẫn đang giảm. Tâm lý tiêu cực của thị trường kỳ vọng sẽ sớm kết thúc, nhất là khi hai tổ chức xếp hạng lớn còn lại, S&P Global và Moody's vẫn giữ xếp hạng tín nhiệm của Hoa Kỳ ở mức AAA. Tuy nhiên, khác với năm 2011 khi CSTT nới lỏng với lãi suất điều hành ở mức gần 0%, hiện tại Hoa Kỳ vẫn đang duy trì CSTT thắt chặt (lãi suất điều hành ở mức 5.25% - 5.5%), điều này khiến sự hồi phục của thị trường sẽ khó khăn hơn.

Giai đoạn 2023

Đồ thị 06: Diễn biến giá vàng và chỉ số VIX giai đoạn 2023

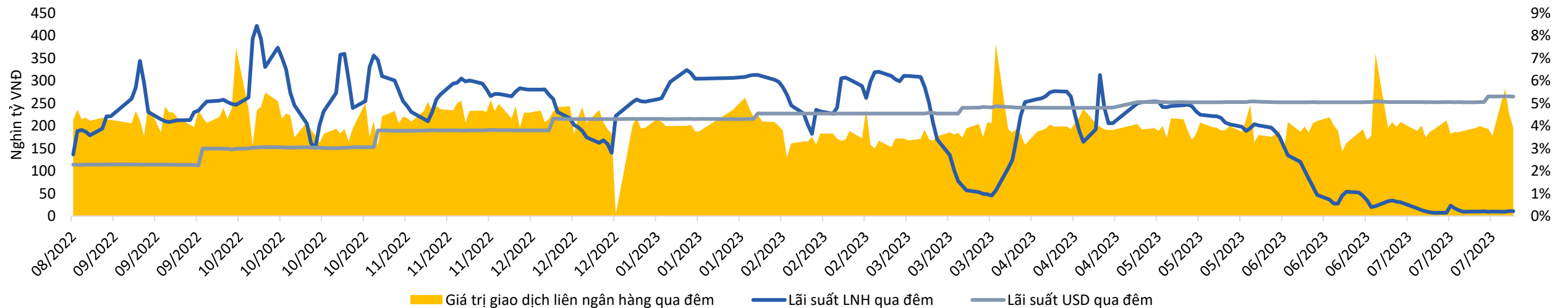


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

- Giá vàng có xu hướng giảm từ khi nhà đầu tư đón nhận thông tin Fitch hạ tín nhiệm Hoa Kỳ ngày 2/8/2023. Diễn biến chỉ số VIX tăng gần 15% vào ngày 2/8/2023 sau đó giảm nhẹ vào trong những phiên giao dịch cuối tuần 4/8/2023.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.21%	0.49%	0.67%	1.58%	4.36%	6.55%	7.69%
So với tuần trước	0.01%	0.09%	0.03%	-0.39%	0.37%	0.32%	0.73%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	234,743.00	14,514	6,970	2,135	842	207	13
So với tuần trước	21.89%	-29.08%	-9.59%	-12.83%	-67.05%	27.83%	-71.01%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 04/08/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 31, lãi suất liên ngân hàng qua đêm tăng nhẹ.
- Hoạt động mua giấy tờ có giá cũng như phát hành tín phiếu của SBV đã kết thúc.

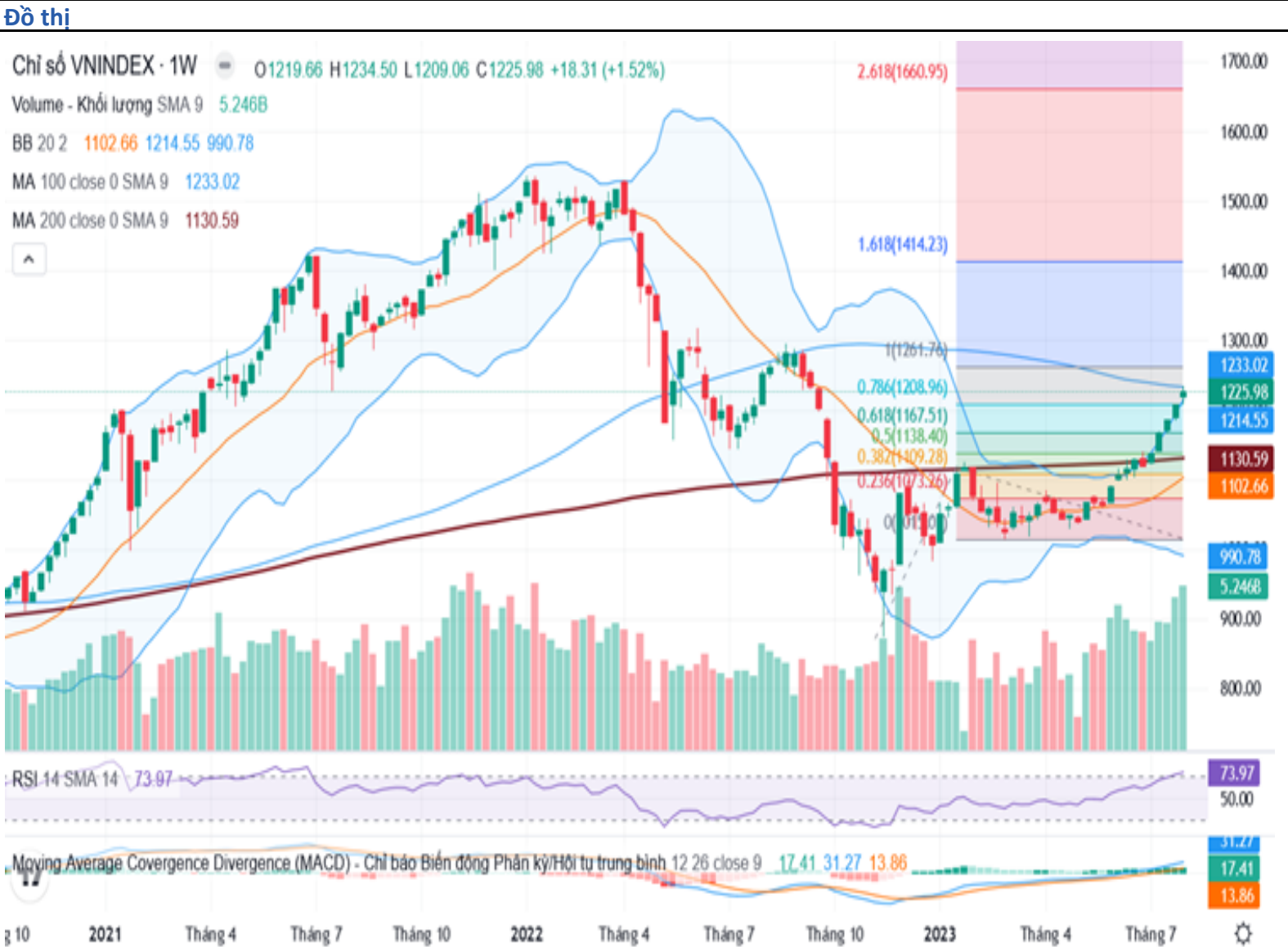
PTKT VN-INDEX: VN-Index tiếp tục hướng về 1,280 – 1,300 điểm

Đồ thị ngày: Sau phiên tăng điểm mở gap giá đầu tuần, VN-Index có những cây nến tăng giảm xen kẽ với thân nến rộng cho thấy tâm lý giằng co tại vùng đỉnh mới. Chỉ số dù vậy lại tiếp tục bật tăng sau khiên lấp gap giá 3/8 và đã không còn bám dải bollinger band trên. Các chỉ báo kỹ thuật duy trì trong vùng quá mua, với dấu hiệu phân kỳ sẽ xảy ra khi VN-Index vượt 1,230 điểm trong tuần tới. Với đồ thị tuần, VN-Index đang có dấu hiệu tích lũy lại dưới SMA100 tại 1,233 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật vào vùng quá mua và giá bám dải bollinger band trên.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng từ mức 85 xuống 76 điểm và có khả năng chuyển sang phân kỳ âm khi VN-Index vượt 1,230 điểm trong tuần tới.
- MACD giữ trên đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản tăng 7% so tuần trước.
- VN-Index tích lũy tại trước SMA 100 và tiếp tục bám dải bollingerband trên của đồ thị tuần.

Kết luận: Xu hướng tăng điểm vẫn đang khá mạnh cho dù thị trường chịu áp lực chốt lãi trong ngắn hạn trước một số thông tin bất lợi và hoạt động cơ cấu của các quỹ ETF. Lực cầu bắt đáy ở vùng giá thấp vẫn đang mạnh và thanh khoản tốt cho thấy dòng tiền vẫn đang rất mạnh. VN-Index vẫn đang có động lực hướng về 1,280 – 1,300 điểm hoàn thành bước sóng 3 của chu kỳ tăng giá tính từ tháng 11/2022.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: *Hoa Kỳ bị hạ xếp hạng tín nhiệm lần thứ 2*

VIỆT NAM:

- Phó Thủ tướng: yêu cầu Bộ Công Thương đôn đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam báo cáo phương án giá điện cập nhật hàng quý năm 2023 để thực hiện giá bán điện theo quy định.
- Chính phủ yêu cầu cơ quan soạn thảo Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) kế thừa quy định hiện hành về thuế suất đối với dịch vụ xuất khẩu và quy định cụ thể các trường hợp dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0%.
- PMI ngành sản xuất Việt Nam: đã tăng lên 48.7 điểm trong tháng 7, so với mức 46.2 điểm của tháng 6. Kết quả lần này cho thấy các điều kiện hoạt động đã suy giảm tháng thứ năm liên tiếp, mặc dù lần suy giảm này chỉ là nhẹ và là nhẹ nhất trong thời kỳ này.
- Bộ Tài chính: tỷ lệ ước giải ngân vốn đầu tư công 7 tháng kế hoạch năm 2023 đạt 35.49% kế hoạch. Nếu so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thì tỷ lệ giải ngân đạt 37.85%, tăng nhiều so với cùng kỳ năm 2022 (34.47%).
- NHNN: cho biết quan điểm là bám sát các chỉ đạo của Nhà nước, Chính phủ, hướng đến việc hỗ trợ cho thị trường BĐS phát triển lành mạnh, bền vững theo hướng phục vụ đa số người dân, đặc biệt là người có nhu cầu nhà ở thực, hạn chế tình trạng đầu cơ, thổi giá, trục lợi
- Bộ Công Thương: đề nghị ban hành cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân tại Luật Điện lực theo hướng giao Chính phủ quy định thay vì Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế điều chỉnh như hiện tại.
- Bộ xây dựng: So với cùng kỳ năm trước, số doanh nghiệp bất động sản đã giải thể tăng khoảng 30.4%, số lượng doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực này giảm khoảng 61.4%.
- Bộ GTVT: đang đề xuất Chính phủ khung chính sách hỗ trợ chuyển đổi sang xe ô tô điện với cả nhà sản xuất, lắp ráp cũng như ưu đãi cho người sử dụng.

THẾ GIỚI:

- Fitch: hạ xếp hạng tín dụng của Hoa Kỳ từ "AAA" xuống "AA+" do dự kiến suy thoái kinh tế sẽ diễn ra trong ba năm tới.
- Hoa Kỳ: PMI sản xuất ISM tháng 7 của đạt 46.4.
- Hoa Kỳ: PMI dịch vụ tháng 7 đạt 52.3 (Trước đó: 52.4), áp lực chi phí đã cho thấy dấu hiệu sụt giảm.
- Bộ Tài chính Hoa Kỳ: cho biết sẽ bán 103 tỷ USD chứng khoán dài hạn và có kế hoạch phát hành nhiều hơn nữa khi đến kỳ hạn thanh toán để hỗ trợ giải quyết vấn đề thâm hụt ngân sách.
- Ngân hàng Trung ương Thái Lan: đã tăng lãi suất cơ bản thêm 0.25 điểm lên mức 2.25% mức cao nhất trong 9 năm qua, trong bối cảnh có lo ngại về việc lạm phát có thể gia tăng và bất ổn chính trị.
- Trung Quốc: thị trường BĐS ghi nhận sự suy yếu, các dự án nhà ở mới hoàn thành một nửa hoặc có vẻ bị bỏ hoang là tình trạng dễ thấy ở Đồng Lãng, một thành phố ở phía Đông tỉnh An Huy.
- Eurozone: tỷ lệ thất nghiệp tháng 6 là 6.4% (Dự kiến: 6.5%, trước đó: 6.5%).
- EU: CPI sơ bộ tháng 7 +5.3%. CPI lõi +5.5%.
- EU: GDP sơ bộ quý 2 +0.3%; GDP +0.6% so với cùng kì năm trước.
- Anh: Chỉ số BRC-thước đo lạm phát giá cửa hàng: -0.1% m/m, mức giảm hàng tháng đầu tiên sau 2 năm; +7.6% y/y (trước đó +8.4%).
- Anh: PMI sản xuất cuối tháng 7 là 45.3.
- Biên bản họp tháng 6 của NHTW Nhật Bản: Các thành viên nhất trí NHTW Nhật Bản phải duy trì chính sách nới lỏng tiền tệ hiện tại để đạt được mục tiêu giá cả ổn định và bền vững.

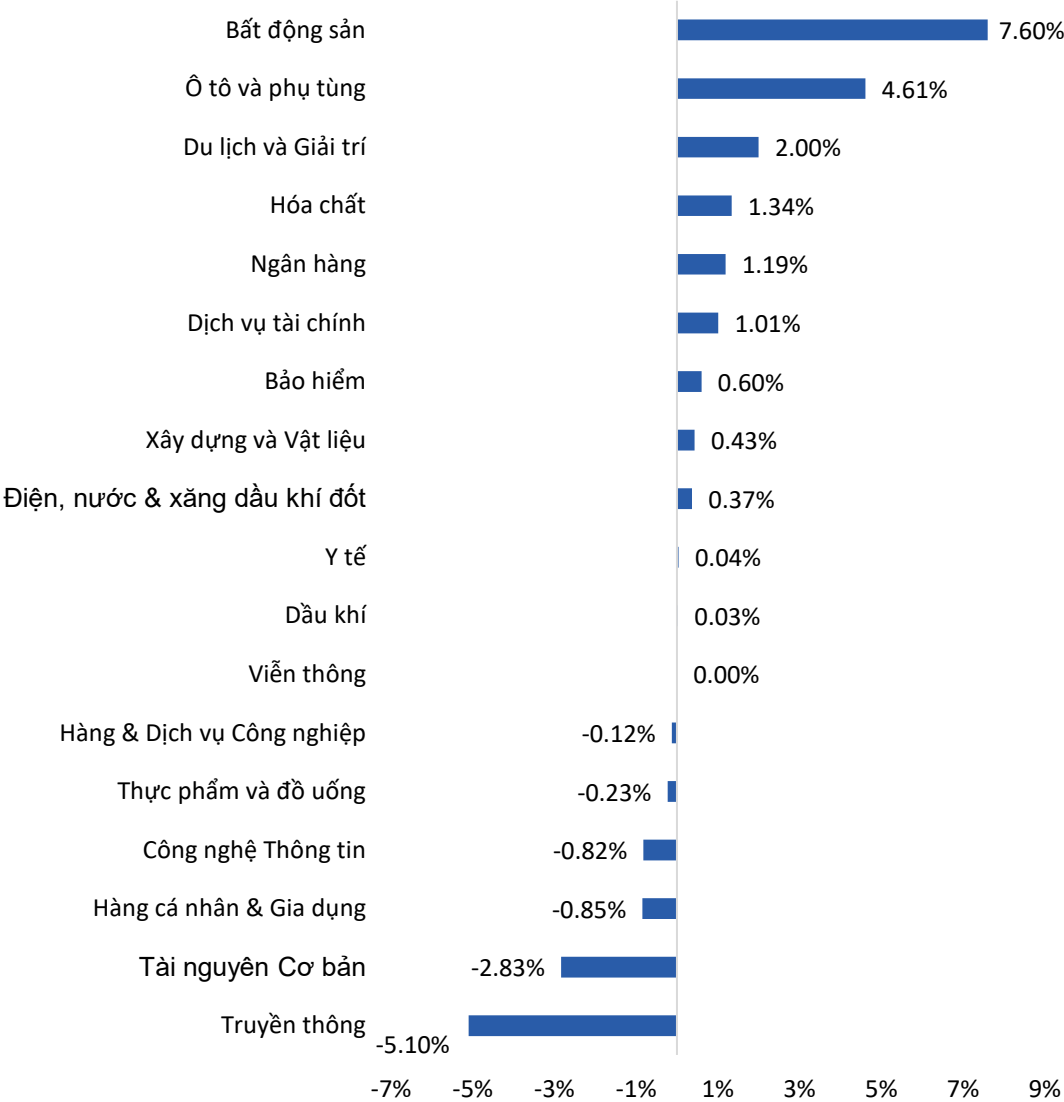
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Mùa công bố KQKD quý II đi vào giai đoạn cuối;
- Dòng tiền tăng trưởng và luân chuyển còn có thể duy trì khi thị trường bước vào vùng trũng thông tin;
- 8/8, Cán cân thương mại Canada, Pháp, Trung Quốc và Hoa Kỳ; CPI Đức; Chỉ số bán buôn Hoa Kỳ. 9/8, CPI Trung Quốc; Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 10/8, Cung tiền M2 và khoản nợ mới Trung Quốc; CPI và Đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 11/8, GDP Anh; CPI Pháp; chỉ số PPI và niềm tin tiêu dùng Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu		
Bất động sản	4.12%	7.60%	14.55%	VHM	6.96%	
Ô tô và phụ tùng	1.82%	4.61%	0.15%	VEA	7.11%	0 0.00%
Du lịch và Giải trí	0.12%	2.00%	0.85%	HVN	0.39%	VJC 3.27%
Hóa chất	0.62%	1.34%	10.74%	DRC	2.55%	DGC 2.62%
Ngân hàng	0.54%	1.19%	8.05%	VCB	-3.12%	VPB 0.45%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	82.82	1.56%	2.78%	15.22%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	86.24	1.29%	2.17%	12.86%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	278.31	0.67%	-3.62%	13.78%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,942.91	0.46%	-0.85%	1.44%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	23.63	0.27%	-2.92%	2.28%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,333.25	0.60%	-3.56%	-1.61%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	633.00	0.96%	-10.12%	-6.12%		AFX
Sữa	USD/cwt	17.48	1.69%	-1.24%	10.63%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	197.50	-0.20%	-0.80%	-3.89%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	23.69	-1.37%	-0.96%	0.68%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	161.35	-2.06%	2.18%	1.54%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	8,573.00	-0.44%	-1.03%	3.05%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	3,752.00	-0.21%	-2.52%	-0.05%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2,232.50	0.11%	0.47%	4.20%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	731.00	0.00%	-1.62%	-2.73%		HPG
Than đá	USD/MT	140.50	-0.71%	-1.23%	-9.12%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	560.49	0.52%	-2.12%	5.47%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VIC	12.89%	6.96
BID	2.54%	1.56
ACB	6.32%	1.45
CTG	3.33%	1.24
EIB	13.06%	1.05
SAB	2.36%	0.61
SHB	5.56%	0.55
NVL	5.04%	0.48
LPB	5.50%	0.40
MSB	4.73%	0.33
Tổng		14.63

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VCB	-1.64%	-1.83
VNM	-3.30%	-1.34
HPG	-3.01%	-1.27
BCM	-4.69%	-1.01
FPT	-2.69%	-0.65
GAS	-1.28%	-0.64
TCB	-2.04%	-0.63
VRE	-3.20%	-0.57
GVR	-2.01%	-0.46
PLX	-2.89%	-0.40
Tổng		-8.80

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
MSB	589.57	8.65
DCM	258.93	10.92
CTG	185.38	27.08
PNJ	181.79	48.97
MSN	166.26	30.39
GMD	152.54	47.59
HSG	117.52	20.11
IDC	69.77	1.08
SHB	65.80	6.79
NLG	55.20	42.00
Tổng	1,842.75	

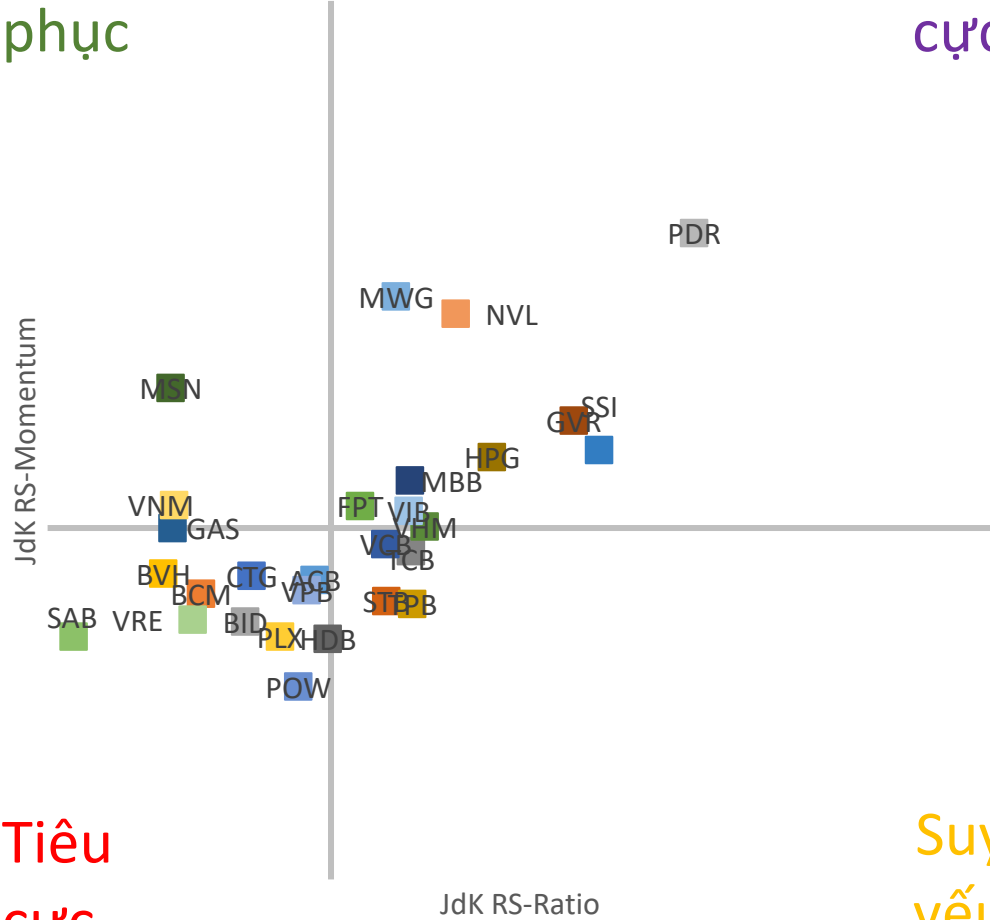
Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VNZ	-1111.60	
HPG	-401.60	26.17
VEA	-239.81	4.68
VIC	-222.14	12.91
CTD	-216.50	45.97
KDC	-151.13	20.58
MWG	-148.01	48.94
VCB	-143.47	23.52
VHM	-95.88	24.22
QNS	-72.08	16.56
Tổng	-2802.23	

Vận động cổ phiếu VN30			
FPT	101.5432	100.6217	20.38%
GVR	112.8618	103.0468	32.73%
HPG	108.5331	102.0094	22.37%
MBB	104.1956	101.3465	20.12%
MWG	103.4557	106.5809	38.80%
NVL	106.6234	106.086	44.53%
PDR	119.2312	108.3887	67.54%
SSI	114.1992	102.2096	30.54%
VHM	104.9782	100.0315	23.05%
VIB	104.1183	100.4829	16.67%
MSN	91.52374	103.9812	19.86%
VNM	91.71864	100.6444	10.60%
STB	102.9366	97.91232	8.02%
TCB	104.252	99.33161	14.68%
TPB	104.3052	97.83254	10.83%
VCB	102.8952	99.53411	14.29%
ACB	99.14077	98.51817	16.61%
BCM	93.12751	98.11868	-0.77%
BID	95.46897	97.33196	9.01%
BVH	91.1399	98.69444	7.53%
CTG	95.81598	98.62922	10.91%
GAS	91.63396	99.99012	5.91%
HDB	99.84067	96.83963	6.88%
PLX	97.31987	96.90056	6.75%
POW	98.28118	95.48027	1.49%
SAB	86.38843	96.89887	0.82%
VIC	93.64493	99.94576	19.39%
VJC	90.78374	98.77044	3.91%
VPB	98.72894	98.21942	12.41%
VRE	92.68704	97.38478	1.95%

Hồi
phục

CP VN30 vs. VN-Index

Tích
cực



Tiêu
cực

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg

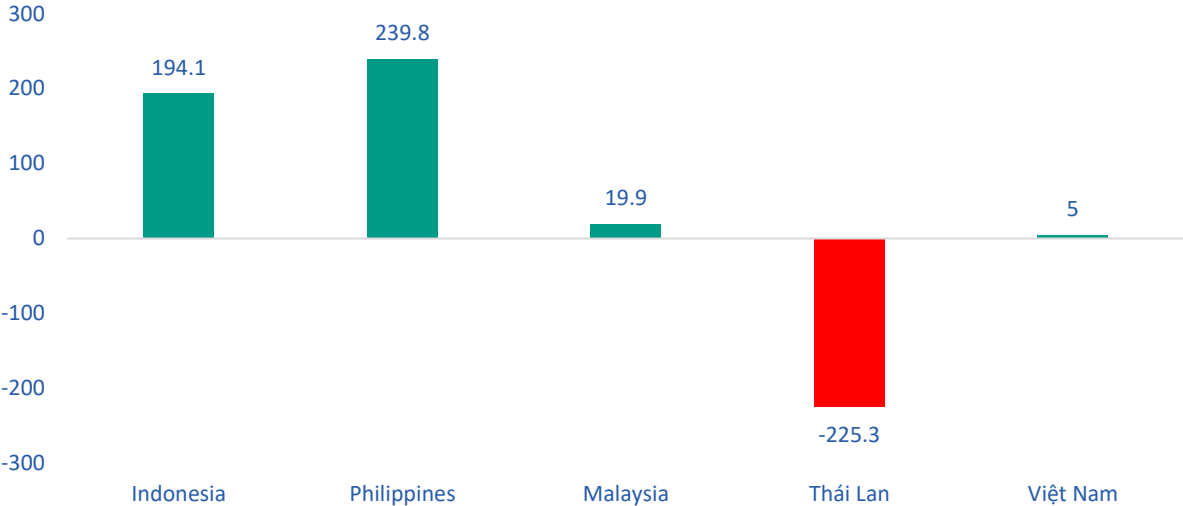
Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	233.5	(10.0)	433.8	(3,011.5)
Indonesia	194.1	292.1	473.7	1563.8
Philippines	239.8	-30.3	303.3	-164.1
Malaysia	19.9	-42.4	270.8	-658.5
Thái Lan	-225.3	-231.7	-593.2	-3700
Việt Nam	5	2.3	-20.8	-52.7
Các nước khác	(2,526.2)	(1,892.3)	(111.7)	30,247.9
Hàn Quốc	-1015	-750.3	-122.8	7821.5
Đài Loan	-1271.4	-996.4	-3989.9	7257.4
Ấn Độ	-246.8	-152.7	3986.9	15152.9
Sri Lanka	7.00	7.10	14.10	16.10

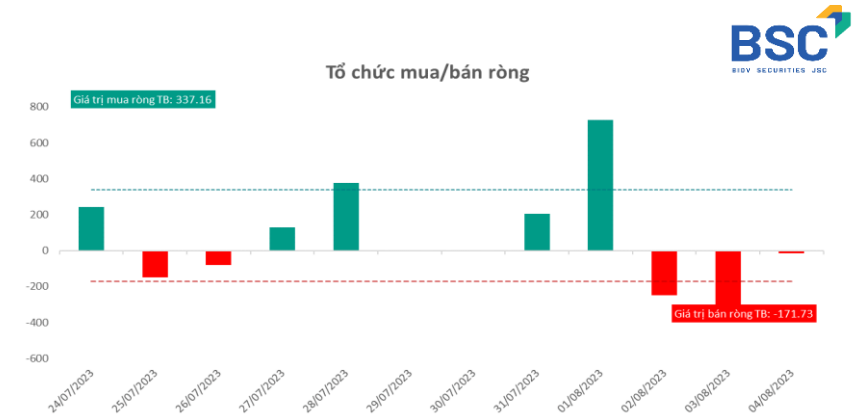
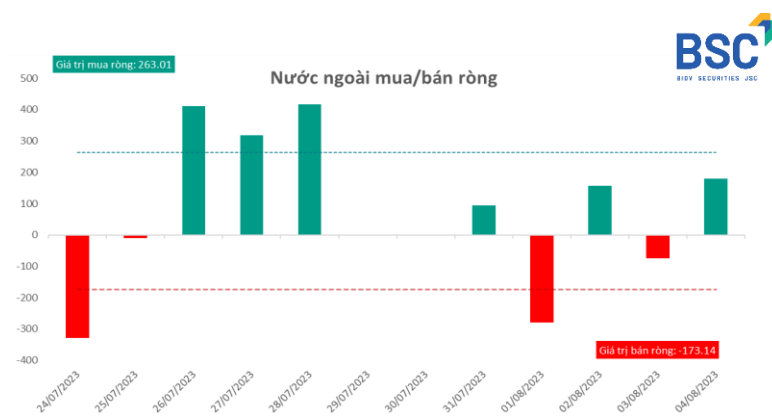
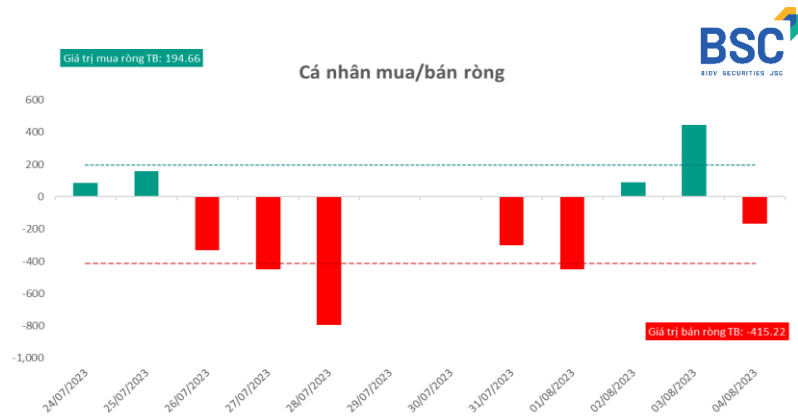


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Mar-23					Apr-23					May-23					Jun-23					Jul-23					Aug-23			
	W8	W9	W10	W11	W12	W13	W14	W15	W16	W17	W18	W19	W20	W21	W22	W23	W24	W25	W26	W27	W28	W29	W30	W31	Tổng				
	(9.31)	(5.97)	7.24	16.43	30.15	16.53	3.86	(5.40)	(0.51)	(30.73)	(31.16)	(16.97)	(5.24)	(14.32)	(25.56)	(2.27)	12.39	4.28	(7.95)	(19.42)	(8.05)	7.58	0.67	4.06	254.18				
ETF ngoại	(7.95)	5.38	8.24	24.01	35.68	20.38	4.16	0.89	0.10	(23.28)	(31.16)	(8.27)	-	(2.98)	(16.63)	2.70	5.39	(11.62)	1.82	(17.69)	(4.78)	7.01	2.28	(4.23)	250.97				
Fubon	0.00	0.00	0.00	17.81	32.21	14.88	(0.94)	0.18	3.86	0.73	0.36	1.10	0.00	0.00	0.00	(0.19)	(0.58)	0.00	(0.20)	(0.79)	(2.43)	(1.25)	(2.74)	(6.51)	56.98				
VNM	0.00	1.15	4.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(1.85)	(4.82)	(18.46)	(1.20)	(4.26)	0.00	0.00	0.01	5.22	2.65	1.34	2.02	0.00	6.90	2.81	5.02	1.49	91.21				
FTSE	0.90	4.23	4.24	-	(3.89)	0.52	-	2.56	1.06	0.77	0.00	0.00	0.00	0.79	0.00	1.52	3.32	0.00	0.00	0.00	1.37	0.00	0.00	(6.16)	58.22				
iShare	(8.85)	-	-	6.20	7.36	4.98	5.10	0.00	0.00	(6.32)	(30.32)	(5.11)	0.00	(3.77)	(16.64)	(3.85)	0.00	(12.96)	0.00	(16.90)	(10.62)	5.45	0.00	6.94	44.56				
ETF nội	(1.36)	(11.35)	(1.00)	(7.58)	(5.53)	(3.85)	(0.30)	(6.29)	(0.61)	(7.45)	-	(8.70)	(5.24)	(11.34)	(8.93)	(4.97)	7.00	15.90	(9.77)	(1.73)	(3.27)	0.57	(1.61)	8.29	3.21				
Diamond	-	(5.89)	(1.10)	(2.74)	(3.00)	(3.00)	(0.10)	(6.16)	(0.29)	(5.00)	-	(1.89)	(3.14)	(4.20)	(7.94)	(3.50)	5.80	14.10	(1.43)	(0.10)	(1.97)	(0.11)	(0.32)	3.31	3.12				
E1	(1.55)	(4.07)	0.82	(4.06)	(1.10)	0.50	(0.55)	0.08	0.08	(1.51)	-	(6.88)	(2.10)	(6.44)	(0.78)	(3.54)	1.94	0.24	(7.35)	(1.63)	(1.08)	0.68	0.43	5.77	1.98				
Finlead	0.19	(1.39)	(0.72)	(0.78)	(1.43)	(1.35)	0.35	(0.21)	(0.40)	(0.94)	-	0.07	-	(0.70)	(0.21)	2.07	(0.74)	1.56	(0.99)	-	(0.22)	-	(1.72)	(0.79)	(1.89)				

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
GMD	3,667,800	212.31	VCG	746,700	-20.31	MSB	43,234,393	589.57	HPG	14,600,700	-401.60	HPG	17,991,424	486.79	MSB	47,115,810	-645.45
ACB	5,447,581	125.09	CTG	556,847	-17.10	DCM	7,976,500	258.93	VIC	3,970,800	-122.14	MWG	6,371,939	334.91	SHB	30,026,889	-389.44
NLG	3,039,800	119.89	HSG	876,900	-16.20	CTG	5,990,200	185.38	CTD	3,238,500	-116.50	TCB	8,003,378	268.35	ACB	12,971,873	-308.72
FUEVFNVD	4,343,100	113.68	SGN	201,000	-15.28	PNJ	2,194,500	181.79	KDC	2,517,900	-151.13	VIC	3,851,542	213.11	DCM	7,202,700	-233.60
HPG	4,079,762	111.54	NKG	594,900	-11.33	MSN	1,921,500	166.26	MWG	2,816,400	-148.01	CTD	3,060,479	205.31	NLG	5,487,978	-216.46
VPB	4,373,223	97.57	GAS	102,300	-10.37	GMD	2,635,500	152.54	VCB	1,568,100	-141.47	VCB	1,955,411	178.10	MSN	1,891,512	-164.13
E1VFN30	3,768,500	78.44	TPB	460,275	-8.57	HSG	6,232,800	117.52	VHM	1,492,500	-95.88	KDC	2,447,719	146.60	CTG	4,469,163	-138.98
PNJ	871,097	71.95	VRE	240,789	-6.51	SHB	5,202,700	65.80	EIB	3,228,600	-71.86	SSI	3,031,413	87.52	HSG	6,610,116	-125.17
MWG	1,346,055	71.63	PET	200,000	-5.97	NLG	1,396,900	55.20	HDG	2,256,600	-71.52	NVL	4,271,538	87.32	FRT	1,591,517	-123.08
STB	2,326,264	68.52	PAN	236,000	-5.47	STB	1,787,700	51.67	VPB	3,170,300	-70.17	REE	1,186,300	76.71	VSC	3,528,900	-113.82

HIỆU SUẤT DANH MỤC BSC30, BSC50

Diễn biến BSC30, BSC50:

- **BSC30:** Trong tuần 31, BSC30 **+0.40%**. Các mã diễn biến tích cực: DCM (+8.20%), VHM (+6.96%), IDC (+5.52%).
- **BSC50:** Trong tuần 31, BSC50 **+1.83%**. Các mã diễn biến tích cực: HUT (+21.57%), ACB (+9.91%), BSR (+9.68%).
(Chi tiết danh mục tại trang 17, 18, 19)

Báo cáo doanh nghiệp chi tiết xem tại: [Link](#)

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Nguồn: BSC Research

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	90.1	-0.55%	0.84	21,894.70	4.84	7,311.00	12.32	105,000	23.59%	Link
BID	Ngân hàng	48.4	-0.31%	0.97	10,644.89	4.62	4,208.00	11.50	54,578	17.28%	Link
VPB	Ngân hàng	22.2	2.30%	1.16	6,479.70	14.76	3,972.00	5.59	23,685	28.09%	Link
TCB	Ngân hàng	33.6	0.30%	1.45	5,138.23	18.01	14,982.00	2.24		17.64%	Link
MBB	Ngân hàng	19	0.80%	1.39	4,307.29	12.27	14,982.00	1.27	24,400	17.64%	Link
STB	Ngân hàng	28.95	1.22%	1.28	2,372.91	22.58	4,640.00	6.24	31,200	30.00%	Link
GVR	BĐS KCN	21.9	0.46%	1.10	3,808.70	2.22	4,603.00	4.76	19,100	23.23%	Link
KBC	BĐS KCN	32.5	1.40%	1.62	1,084.66	8.02	4,880.00	6.66	29,800	29.17%	Link
IDC	BĐS KCN	47.8	0.63%	1.78	685.83	7.73			52,400	42.84%	Link
VGC	BĐS KCN	47.6	0.85%	1.78	927.89	1.47	1,217.00	39.11		0.55%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.35	1.86%	1.00	6,914.54	26.08	1,916.00	14.27	25,000	23.42%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	63	4.83%	0.88	11,927.18	12.79	1,896.00	33.23	68,300	10.63%	Link
VRE	BĐS	29	1.06%	1.13	2,835.46	6.17	5,227.00	5.49	36,200	23.92%	Link
KDH	BĐS	36	2.13%	0.40	1,121.99	4.12	1,576.00	22.84	37,700	32.47%	Link
NLG	BĐS	40	4.17%	1.62	667.97	11.23	2,557.00	15.64	38,100	44.94%	Link
DGC	Phân bón	74.5	0.54%	1.50	1,230.15	8.40	14,120.00	5.28	60,500	18.41%	Link
DPM	Dầu khí	39.3	1.81%	1.25	668.67	4.40	6,793.00	5.79	42,000	3.01%	Link
DCM	Dầu khí	33	-0.60%	0.80	759.57	6.95	2,625.00	12.57	29,000	18.11%	Link
GAS	Dầu khí	100.3	0.70%	0.71	8,346.49	2.37	2,292.00	43.76	122,300	41.13%	Link
PLX	Dầu khí	40.3	0.50%	1.12	2,226.30	2.59	1,340.00	30.07	45,000	20.38%	Link
PVS	Dầu khí	34.3	3.94%	1.14	712.79	9.62	993.00	34.54	33,000	6.25%	Link
PVD	Dầu khí	25.85	2.58%	1.42	624.76	5.93	7,698.00	3.36	26,000	49.00%	Link
POW	Tiện ích	13.6	0.74%	1.11	1,384.76	6.73	3,895.00	3.49	14,500	55.81%	Link
VNM	Bán lẻ	73	0.55%	1.20	6,633.34	9.97	2,605.00	28.02	84,500	30.59%	Link
MSN	Bán lẻ	86.3	0.23%	1.22	5,368.77	7.64	3,456.00	24.97	96,000	49.00%	Link
MWG	Bán lẻ	53	0.57%	1.48	3,370.25	17.29	7,475.00	7.09	55,200	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	80.8	-0.62%	0.78	1,152.28	4.34	2,965.00	27.25	95,000	29.02%	Link
VHC	Thủy sản	76.6	-1.16%	1.22	610.72	2.94	12,800.00	5.98	67,500	30.47%	Link
GMD	Logistics	58	2.47%	0.64	760.00	10.65	7,059.00	8.22	57,000	48.84%	Link
FPT	Công nghệ	83.3	-0.48%	0.77	4,599.50	5.88	5,901.00	14.12	91,900	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	31	0.32%	1.14	6,477.32	10.13	3,636.36	8.53	1.27	27.03%	15.94%
ACB	Ngân hàng	24.4	4.05%	1.03	4,120.47	19.42	3,722.50	6.55	1.51	30.00%	25.16%
HDB	Ngân hàng	17.15	-0.29%	0.86	2,156.84	2.32	2,765.20	6.20	1.28	19.98%	22.26%
LPB	Ngân hàng	17.25	1.77%	1.48	1,296.83	3.75	2,134.86	8.08	1.17	4.07%	15.94%
VIB	Ngân hàng	21	1.69%	1.32	2,316.22	5.28	3,530.37	5.95	1.57	20.50%	28.49%
VND	Chứng khoán	20.6	4.04%	1.98	1,090.76	23.29	467.00	44.11	1.66	24.05%	3.84%
TPB	Ngân hàng	18.95	2.71%	1.08	1,813.96	10.04	2,696.75	7.03	1.35	28.88%	19.79%
SSI	chứng khoán	29.2	2.46%	1.72	1,903.25	18.86	1,095.87	26.65	2.00		9.08%
CII	Xây dựng	21.55	1.65%	1.91	266.11	11.40	41.84	515.06	1.03	9.07%	0.19%
C4G	Xây dựng	15.7	8.28%	2.10	230.09	10.00	790.73	19.86	1.44	0.00%	8.20%
CTD	Xây dựng	64.6	0.94%	1.94	209.01	2.96	916.00	70.52	0.58	47.59%	0.82%
HHV	Xây dựng	16.35	1.87%	1.68	234.13	7.20	939.08	17.41	0.73	4.86%	4.17%
LCG	Xây dựng	14	1.05%	2.15	118.73	6.05	492.27	29.25	1.13	3.19%	3.71%
BCM	KCN	77.2	-0.26%	0.89	3,474.00	0.60	387.59	199.18	4.69	2.73%	3.15%
HUT	KCN	24.8	4.20%	1.54	375.92	4.84	151.50	163.69	2.22	1.91%	1.35%
PHR	KCN	52.5	0.38%	1.46	309.29	1.20	6,556.81	8.01	2.13	15.27%	26.78%
SZC	KCN	37.3	0.81%	1.93	194.61	1.07	1,393.05	26.78	2.75	3.05%	10.78%
HSG	Vật liệu	18.9	1.07%	2.10	506.18	8.01	(2,105.11)		1.12	19.97%	-11.74%
HT1	Vật liệu	16.9	0.00%	1.53	280.39	0.85	166.19	101.69	1.31	3.48%	1.25%
NKG	Vật liệu	19.25	2.12%	2.26	220.35	5.14	(2,874.87)		0.94	10.66%	-13.12%
PTB	Vật liệu	53.9	-0.19%	1.10	156.87	1.02	5,293.42	10.18	1.36	16.95%	13.69%
KSB	Vật liệu	31.9	0.47%	1.74	105.82	3.77	1,291.45	24.70	1.22	3.37%	4.99%
NVL	BĐS	19.8	6.74%	1.03	1,678.79	67.81	(99.65)		1.05	3.95%	-0.53%
DXG	BĐS	19.4	3.74%	2.33	514.55	26.19	(204.59)		1.27	19.05%	-1.35%
HDC	BĐS	37.7	1.89%	1.58	221.45	12.08	2,189.16	17.22	2.76	2.07%	17.18%
DIG	BĐS	26.9	5.08%	2.58	713.26	41.59	138.35	194.44	2.15	5.71%	1.11%
IJC	BĐS	17.05	0.59%	2.05	186.68	3.28	1,491.22	11.43	1.16	6.51%	10.20%
BSR	Dầu khí	20.4	1.49%	1.41	2,750.01	7.25	4,750.00	4.29	1.23	0.41%	33.16%
PVT	Dầu khí	23.65	0.85%	1.18	332.80	4.01	3,018.12	7.84	1.13	14.14%	15.91%
PLC	Săm lốp	39.5	1.80%	1.78	138.76	0.48	1,202.11	32.86	2.50	1.26%	7.56%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Tiện ích	24.1	0.42%	1.24	124.47	0.76	1,970.51	12.23	1.64	10.61%	13.40%
REE	Tiện ích	64	-1.39%	0.79	1,137.27	5.71	6,451.92	9.92	1.60	49.00%	14.90%
GEX	Tiện ích	23.6	0.43%	2.00	873.71	22.38	371.99	63.44	1.64	12.16%	2.55%
NT2	Tiện ích	29.35	-0.51%	0.74	367.35	0.63	2,473.17	11.87	1.81	15.48%	15.62%
HDG	Tiện ích	31.75	-0.16%	1.71	422.08	3.74	2,687.22	11.82	1.72	25.19%	15.68%
PC1	Tiện ích	27.75	0.00%	1.35	326.28	1.68	925.91	29.97	1.49	5.81%	5.06%
GEG	Tiện ích	15.35	0.00%	1.12	227.75	1.29	845.25	18.16	1.41	45.94%	5.20%
BCG	Dầu khí	11.7	3.08%	2.22	271.37	9.25	(78.13)		0.92	2.00%	-0.60%
SAB	Bán lẻ	160.5	-0.62%	0.15	4,475.03	1.72	6,863.00	23.39	4.25	62.28%	19.12%
QNS	Bán lẻ	49.9	-1.58%	0.56	774.40	4.08	4,226.00	11.81	2.01	16.78%	17.50%
FRT	Bán lẻ	79	0.00%	1.53	467.96	2.62	(327.61)		6.24	32.78%	-2.51%
DGW	Bán lẻ	56	0.00%	1.95	406.79	2.92	3,066.11	18.26	3.61	23.61%	21.73%
DBC	Bán lẻ	26	-0.38%	2.05	273.57	7.38	(48.07)		1.35	6.35%	-0.25%
PET	Bán lẻ	30.55	-0.49%	2.31	131.26	0.69	910.35	33.56			3.68%
BAF	Bán lẻ	23.1	0.87%		144.14	2.45	1,206.10	19.15	1.74	0.07%	9.96%
ANV	Thủy sản	36.4	0.69%	1.61	210.69	1.69	2,092.00	17.40	1.62	3.84%	9.29%
VSC	Logistics	35.35	1.43%	0.49	186.39	2.59	1,478.86	23.90	1.53	3.40%	6.42%
HAH	Logistics	49.55	-0.70%	1.18	151.55	4.53	8,037.47	6.16	1.42	4.79%	25.48%
CTR	Công nghệ	72.2	0.28%	1.43	359.07	0.73	4,223.34	17.10	4.93	9.86%	31.94%
TNG	Dệt may	21.3	0.47%	1.72	105.13	1.28	2,384.30	8.93	1.36	24.42%	17.18%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisititc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký